THIÊN NAM DƯ HẠ TẬP VÀ DẤU ẤN TRƯỚC THUẬT CỦA ĐỖ NHUẬN

Trịnh Ngọc Ánh
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: *Bài viết giới thiệu và phân tích vai trò của Đỗ Nhuận (1446 – ?) trong lịch sử văn hóa thời Lê sơ, với trọng tâm là bộ sách* Thiên Nam dư hạ tập. *Qua khảo cứu tiểu sử, trước tác và đặc biệt là vai trò trong việc biên soạn sách điển chế quốc gia, bài viết làm rõ vị trí của Đỗ Nhuận như một văn thần tiêu biểu thời Hồng Đức. Đồng thời, bài viết cũng khảo sát* Thiên Nam dư hạ tập *từ góc độ văn bản học, sử học và hệ thống hóa các trích dẫn trong sử liệu trung đại, nhằm xác định giá trị tư liệu của bộ sách trong nghiên cứu điển chế Việt Nam.*
Từ khóa: *Điển chế; Đỗ Nhuận; Hồng Đức; Thiên Nam dư hạ tập; thời Lê sơ; văn bản Hán Nôm.*

Nhận bài ngày 25.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2025
Liên hệ tác giả: Trịnh Ngọc Ánh ; email: tnanh@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lịch sử văn hóa trung đại Việt Nam ghi nhận thời Lê sơ là giai đoạn phát triển rực rỡ về thể chế, giáo dục, văn học và điển chế. Trong tiến trình ấy, sự đóng góp của các văn thần như Đỗ Nhuận (1446 – ?) là một dấu ấn đặc biệt. Với học vấn uyên bác, nhân cách mẫu mực và tài năng thơ phú, Đỗ Nhuận không chỉ là Phó Nguyên suý Tao Đàn lừng danh, mà còn là một trong những nhân vật chủ chốt tham gia trước thuật các công trình quan trọng dưới thời Lê Thánh Tông.

Trong số những di sản Hán Nôm gắn với tên tuổi Đỗ Nhuận, bộ *Thiên Nam dư hạ tập* có vị trí đặc biệt. Đây là bộ sách mang tính chất "hội yếu" – ghi chép điển chương, chế độ, pháp lệnh của nhà Lê – được vua Lê Thánh Tông đích thân chỉ đạo biên soạn từ năm 1483. Tuy nhiên, trải qua thời gian, bộ sách đã thất lạc phần lớn, hiện còn lại những văn bản rời rạc, gây nhiều tranh luận học thuật.

Bài viết này nhằm góp phần khắc họa chân dung Đỗ Nhuận như một "lương thần đời Lê", điểm lại các trước tác tiêu biểu, đặc biệt là khảo cứu vai trò của ông trong biên soạn *Thiên Nam dư hạ tập*, qua đó xác định vị trí của bộ sách này trong hệ thống sử liệu Việt Nam thời trung đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Đỗ Nhuận - một lương thần đời Lê sơ

Đỗ Nhuận (1446 - ?), người xã Kim Hoa, huyện Kim Hoa (nay thuộc xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, Hà Nội), một con người đạo cao đức trọng, đã từng trải giữ các chức quan cao trong triều, là người thân tín được theo hầu cạnh vua, được vời vào hoàng cung dạy học cho vương tử, được vua phong cho làm Tao Đàn phó nguyên soái, được tham dự các buổi bình thơ của vua,… Đỗ Nhuận đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi tiến sĩ năm Bính Tuất, niên hiệu Quang Thuận thứ 7 (1466) khi vừa tròn 20 tuổi (Trịnh Khắc Mạnh, 2008) Năm Tân Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ hai (1471), với tài năng của mình, Đỗ Nhuận được nhậm chức Đông các hiệu thư, một chức quan vừa được đặt ngay trong năm

1471, trật chánh lục phẩm (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 72a) Tháng 11 năm Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487), ông được làm Hàn lâm viện hiệu lý (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 70b) , chịu trách nhiệm *kiểm soát chỉnh lý và sẵn sàng cho biết ý kiến về văn từ trong chiếu, chỉ, lệnh dụ, lệnh chỉ, cùng chú giải những chữ trong chiếu, chỉ, lệnh dụ, lệnh chỉ này khi có người hỏi tới*.[1]

Là người học rộng hiểu sâu, văn hay đức tốt, nên ngay sau khi đỗ tiến sĩ, ông đã được trọng dụng và trở thành bề tôi thân tín của nhà vua, luôn được theo hầu bên cạnh, đàm đạo, xướng họa thơ văn. Tháng 3 năm Mậu Tý, niên hiệu Quang Thuận thứ 9 (1468), ông cùng với các quan Lê Hoằng Dục, Quách Đình Bảo được theo hầu vua về Lam Kinh. Trong chuyến đi này, ông và các quan cận thần cùng Hoàng thái tử, Kỳ quận công Lê Niệm đã họa lại các bài thơ ngự chế của đức vua, sáng tác *Anh hoa hiếu trị thi tập*, có nhiều câu sang sảng như vàng gieo (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 48a). Cuối tháng 11 mùa đông năm Canh Dần, niên hiệu Hồng Đức thứ nhất (1470), vua Lê Thánh Tông thân hành dẫn đại quân đi đánh Chiêm Thành, Đỗ Nhuận là người tín cẩn được theo hầu vua. Ngày 25 tháng đó, Đỗ Nhuận hầu trước mặt vua, cùng bàn về "đạo lý", về "thiên văn học", cho thấy tầm học rộng hiểu sâu của vua và bề tôi Đỗ Nhuận (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XI, tờ 59b-60a). Khi Kim ngô vệ chỉ huy sứ Quách Cảnh nhà Minh sang đuổi bắt những kẻ chạy trốn (năm Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ sáu (1475), để thể hiện tình hòa hiếu, mối quan hệ bang giao giữa hai nước, Đỗ Nhuận và các quan Thái phó Kỳ quận công Lê Niệm, Lai bộ Thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Binh bộ Thượng thư Đào Tuấn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các hiệu thư Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện Thị thư Vũ Kiệt và Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên được vua sai làm thơ để tiễn Quách Cảnh (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 6a). Nhân hai năm Quý Sửu (1493), Giáp Dần (1494), thóc lúc được mùa, vua đặt các bài ca vịnh để ghi điềm lành, ca ngợi chế độ với 9 chủ đề là *Phong niên* (năm được mùa), *Quân đạo* (đạo làm vua), *Thần tiết* (tiết tháo người làm tôi), *Minh lương* (vua sáng tôi hiền), *Anh hiền* (người tài giỏi), *Kỳ khí* (người tài ba), *Thư thảo* (viết thảo), *Văn nhân, Mai hoa*, gọi là *Quỳnh uyển cửu ca* (Chín khúc ca trong vườn quỳnh). Đỗ Nhuận cùng các văn thần khác là Thân Nhân Trung, Ngô Luân, Ngô Hoán, Nguyễn Xung Xác, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huấn, Vũ Dương, Ngô Thầm, Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Ngạn, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Chu Hoãn, Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tốn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú được vua sai họa lại vần chín khúc ca trên. Năm Ất Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 26 (1495), vua Lê Thánh Tông lập ra Tao Đàn, quy tụ các nhà thơ, nhà văn giỏi nhất đất nước gồm có 28 người ứng với 28 vì sao trên trời gọi là Tao Đàn nhị thập bát tú, Lê Thánh Tông làm Nguyên Suý, Đỗ Nhuận cùng tiến sĩ Thân Nhân Trung được cử làm Phó Nguyên Suý, Trạng nguyên Lương Thế Vinh làm Sái Phu Tao Đàn. Là Phó Nguyên Suý, Đỗ Nhuận giúp vua điều hành các buổi ngâm vịnh, xướng họa, bình luận thơ văn.

Trong lĩnh vực giáo dục, khoa cử, trước thuật, Đỗ Nhuận có vai trò quan trọng trong triều đình. Ông đã hai lần được vua Lê Thánh Tông giao cho trọng trách làm quan độc quyền chấm thi trong khoa thi năm Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức năm thứ sáu (1475) lấy 3 người là Vũ Tuấn Chiêu, Ông Nghĩa Đạt, Cao Quýnh đỗ tiến sĩ cập cập đệ, 13 người đỗ tiến sĩ xuất thân, 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân và khoa thi năm Đinh Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487) (Trịnh Khắc Mạnh, 2008), lấy 3 người là Vũ Dương, Ngô Thầm, Lê Hùng đỗ tiến sĩ cập đệ, 23 người đỗ tiến sĩ xuất thân và 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất

thân. Sau ông được giữ chức Đông các Đại học sĩ, được vời vào cung dạy học cho các hoàng thái tử và cố vấn cho vua trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Năm Quý Mão, niên hiệu Quang Đức thứ 14 (1483), ông khi đó là Đông các hiệu thư, cùng với Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cử, Hàn lâm thị thư Đàm Văn Lễ, được vua ra sắc dụ cho biên soạn các sách *Thiên Nam dư hạ tập* và *Thân chinh ký sự* (Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, Quyển XIII, tờ 36a). Ngày 15 tháng 8 năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua cho là từ năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông, việc dựng bia ghi tên tiến sĩ các khoa vẫn chưa làm được, nên sai Lễ bộ Thượng thư Quách Đình Bảo biên rõ họ tên, thứ bậc các tiến sĩ từ khoa thi năm Đại Bảo thứ ba đến khi đó, tất cả là 10 khoa để khắc tên vào bia đá, sai Công bộ khởi công dựng tạc bia. Đợt lập văn bia tiến sĩ đầu tiên này, Đỗ Nhuận cùng với Thân Nhân Trung, Đào Cử, Đàm Văn Lễ, Lê Ngạn Tuấn, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Xung Xác được phụng mệnh soạn các bài ký cho văn bia đề danh tiến sĩ các khoa thi này (Trịnh Khắc Mạnh (2008).

2.2. Trước tác của Đỗ Nhuận

Theo sử sách ghi chép lại, trước tác của Đỗ Nhuận có *Anh hoa hiếu trị thi tập,* 13 bài thơ phụng họa những bài thơ xướng của Lê Thánh Tông, bài ký văn bia tiến sỹ và *Thiên Nam dư hạ tập* soạn cùng với Thân Nhân Trung. Tuy nhiên, *Anh hoa hiếu trị thi tập* hiện đã thất truyền. Trong số 13 bài thơ phụng họa, bài *Phụng họa ngự chế Trú Giao thủy Giang* không phải của Đỗ Nhuận, vì bài này chỉ xuất hiện duy nhất trong văn bản *Minh Lương cẩm tú* – ký hiệu A.254, giọng thơ "ướt át", lắm điển cố, khác xa với phong cách thơ phụng họa của Đỗ Nhuận. 4 bài là *Phụng họa ngự chế Giao tưởng anh hiền, Phụng họa ngự chế Kỳ khí, Phụng họa ngự chế Văn nhân, Phụng họa ngự chế Pháp cung ngẫu thành* mặc dù được chép trong nhiều văn bản, nhưng văn phong cũng khác lạ, dùng nhiều điển cố, trúc trắc khó hiểu, nên khả năng cũng khó có thể là thơ của Đỗ Nhuận. Còn 8 bài chắc chắn là thơ của Đỗ Nhuận, vì *ý thanh thoát mà sâu sắc, ít điển cố; câu thơ giàu hình tượng, chữ dùng giản dị chân thực.* 8 bài đó là: *Phụng họa ngự chế Anh tài tử*, *Phụng họa ngự chế Tư gia tướng sĩ*, *Phụng họa ngự chế Du Lục Vân động*, *Phụng họa ngự chế Bách cốc phong đăng*, *Phụng họa ngự chế Quân đạo*, *Phụng họa ngự chế Thần tiết*, *Phụng họa ngự chế Thư thảo hí thành*, *Phụng họa ngự chế Mai hoa* (Nguyễn Tuấn Lương, 1988).

Bài ký văn bia đề danh tiến sĩ khoa thi năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa năm thứ sáu do Đỗ Nhuận phụng mệnh soạn hiện được lưu giữ trường tồn trên tấm bia tiến sĩ số 2 dựng tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Trịnh Khắc Mạnh, 2008). Đặc biệt là bài ký đó còn được trích dẫn gần như nguyên vẹn trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Sự nghiệp trị nước lớn lao của Đế vương, không gì cần kíp hơn nhân tài, điển chương chế độ đầy đủ của nhà nước, tất phải chờ ở bậc hậu thánh. Là bởi trị nước mà không lấy nhân tài làm gốc, chế tác mà không dựa vào thánh nhân đời sau thì đều chỉ là cẩu thả tạm bợ mà thôi, sao có thể đạt tới chính trị phong hóa phồn vinh, văn vật điểm chương đầy đủ? Kể từ Thái Tổ bắt đầu sửa sang việc học vào kỷ nguyên Thuận Thiên, Thái Tông mở khoa thi đầu vào năm Đại Bảo thứ 3, Nhân Tông chọn người hiền, dùng bậc giới, kính cẩn tôn theo phép cũ. Đến như việc dựng bia ở nhà Thái học thì vẫn để đó chưa làm; văn vật đầy đủ, như còn chờ bậc hậu thánh. Nay Thánh thượng như trời mở trung hưng, tự mình gánh vác đạo lớn, việc tôn sùng Nho giáo càng thành khẩn chăm lo. Huống chi nhân tài đã được các tiên thánh nuôi dạy từ lâu, hơn nữa lại nhờ công sức mười năm nâng vực. Trước đây 6 năm một lần thi lớn, nay thi châm chước theo chế độ nhà Chu đã định là 3 năm. Trước kia lấy đỗ đều không quá hai ba chục người, nay thi rộng xét thực tài, không lo nhiều quá. Cho nên tôn trọng biểu dương,